



**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

25-01-2010 - Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh quận 9 năm 2010.

37

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

27-01-2010 - Chỉ thị số 02/2010/CT-UBND về việc tăng cường hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá.

53

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt phương án thống nhất quản lý  
rừng phòng hộ môi trường, Khu Dự trữ sinh quyển  
rừng ngập mặn Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về chiến lược biển đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ Văn bản số 1028/UBND ngày 26 tháng 8 năm 2009 về việc hoàn chỉnh phương án tổ chức quản lý thống nhất rừng phòng hộ Cần Giờ (kèm phương án) và xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1607/SNN-KHTC ngày 27 tháng 11 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt phương án thống nhất quản lý rừng phòng hộ môi trường, Khu Dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Giao Ban Quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ là chủ rừng duy nhất quản lý toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp khu vực quy hoạch rừng phòng hộ môi trường, Khu Dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ sau khi Ủy ban nhân dân thành phố có quyết định thu hồi rừng và đất lâm nghiệp đã giao cho các cá nhân, đơn vị, tổ chức trước đây.

2. Các đơn vị bị thu hồi rừng và đất lâm nghiệp theo các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao rừng, giao đất rừng phòng hộ Cần Giờ trước đây được tiếp tục quản lý và khai thác toàn bộ tài sản đã đầu tư trên đất và ký hợp đồng với chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ để quản lý, bảo vệ rừng theo quy định.

- Trường hợp các đơn vị không còn nhu cầu sử dụng các tài sản đã đầu tư trên đất, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ sẽ tiếp nhận lại tài sản và giao cho đơn vị chức năng để quản lý sử dụng; việc bàn giao tiếp nhận tài sản thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

- Việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với các loại tài sản do đơn vị không còn nhu cầu sử dụng các tài sản đã đầu tư trên diện tích đất bị thu hồi và bàn giao lại: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan và đơn vị bàn giao xác định giá trị công trình, giá trị còn lại và đề xuất phương án trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thành phố và các đơn vị đang quản lý rừng thực hiện phương án thống nhất quản lý rừng phòng hộ môi trường, Khu Dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ như sau:

- Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng rừng và cơ sở vật chất khi bàn giao.

- Xây dựng phương án quản lý rừng và đất lâm nghiệp, kế hoạch phát triển rừng phòng hộ và khu dự trữ sinh quyển đến năm 2015, tầm nhìn năm 2020 trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, phê duyệt; tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi thực hiện các quyết định thu hồi diện tích rừng và đất lâm nghiệp của các đơn vị, tổ chức (nếu có).

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ xác định lại hiện trạng diện tích rừng và đất lâm nghiệp; hướng dẫn và thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ; giải quyết các tranh chấp đất đai trong rừng phòng hộ.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, phê duyệt quy hoạch, phương án quản lý rừng và đất lâm nghiệp, phát triển rừng phòng hộ và khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ đến năm 2015, tầm nhìn năm 2020 theo đúng quy định; hướng dẫn việc tổ chức, trồng rừng, quản lý, bảo vệ rừng và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn trên địa bàn huyện Cần Giờ.

4. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ:

Tổ chức kiểm kê, xác định giá trị các tài sản do các đơn vị, tổ chức đã đầu tư trong khu vực rừng phòng hộ Cần Giờ nay tự nguyện giao lại cho huyện Cần Giờ quản lý (nếu có), đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan chủ quản và đơn vị đang quản lý rừng và đất lâm nghiệp, Trưởng Ban Quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 549/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2.000)  
Khu đô thị tại phường Cát Lái và phường Bình Trưng Đông, quận 2  
(điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm III - Khu Công nghiệp Cát Lái)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3332/TTr-SQHKT ngày 23 tháng 11 năm 2009,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2.000) Khu đô thị tại phường Cát Lái và Bình Trưng Đông, quận 2 (điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm III - Khu Công nghiệp Cát Lái), với các nội dung chủ yếu sau:

#### **1. Tổng quan:**

- Tên hồ sơ và địa điểm: Khu đô thị tại phường Cát Lái và Bình Trưng Đông, quận 2.

- Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Tư vấn phát triển Phú Điền.

- Chủ đầu tư đồ án quy hoạch: Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn.

#### **2. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Quy hoạch chung quận 2 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6577/QĐ-UB-QLĐT ngày 07 tháng 12 năm 1998;
- Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp thành phố đến năm 2020.

### **3. Các nội dung chuyên môn:**

#### **3.1. Vị trí, diện tích và giới hạn khu đất quy hoạch:**

- Vị trí: phường Cát Lái và phường Bình Trưng Đông, quận 2.
- Quy mô khu vực quy hoạch: 110,26ha.
- Giới hạn phạm vi quy hoạch:
  - + Phía Đông Bắc : giáp sông Bà Cua;
  - + Phía Tây Bắc : giáp đường vành đai phía Đông và ranh dự án 174ha;
  - + Phía Tây Nam : giáp đường Nguyễn Thị Định hiện hữu và ranh cụm II Khu Công nghiệp Cát Lái
  - + Phía Đông Nam : giáp khu dân cư phục vụ tái định cư và giãn dân nội thành, quy mô 166ha do Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ thành phố (Invesco) đầu tư.

#### **3.2. Lý do và sự cần thiết phải lập quy hoạch:**

- Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố về hạn chế phát triển các khu công nghiệp trong phạm vi nội thành và các khu đô thị mới phát triển, trong đó xác định điều chỉnh tại cụm III - Khu Công nghiệp Cát Lái, quận 2 thành khu đô thị, đảm bảo mục tiêu yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới, phù hợp định hướng điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025.

- Quận 2 là khu vực phát triển nhanh đô thị hóa; nhu cầu đầu tư xây dựng để phát triển kinh tế - xã hội của nhiều thành phần từ chính quyền các cấp, nhà đầu tư và

lợi ích của người dân về nhu cầu nhà ở xã hội, phục vụ tái định cư là hết sức cấp thiết.

- Trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch từ khu vực chức năng công nghiệp thành khu dân cư đô thị hiện đại phù hợp định hướng phát triển tại quận 2, nằm trong phạm vi các khu đô thị mới xung quanh và để chuẩn bị cho công tác kêu gọi đầu tư xây dựng, do đó việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 là rất cần thiết.

- Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố về nghiên cứu lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết (1/2000) phục vụ công tác quản lý, xây dựng và phát triển đô thị.

### **3.3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:**

- Phát triển một khu đô thị mới đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và xã hội, tạo mô hình mới về đô thị phát triển hiện đại mang giá trị đặc trưng gắn với cảnh quan sông nước và bảo vệ môi trường;

- Làm căn cứ để lập dự án - chủ trương về đầu tư, lựa chọn xét duyệt địa điểm và cấp chứng chỉ quy hoạch, quyết định giao đất và cấp giấy phép xây dựng;

- Quản lý quá trình phát triển và hình thành khu dân cư đúng chức năng, cân đối và mỹ quan, hài hòa với tổng thể các dự án khu dân cư - đô thị phát triển trong khu vực cụm III Cát Lái trước đây;

- Góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, hình thành mô hình ở mới hiện đại, ổn định và hài hòa;

- Thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và an ninh xã hội.

### **3.4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:**

#### **3.4.1. Cơ cấu sử dụng đất:**

- Quy mô khu vực quy hoạch: 110,26ha, gồm có:

+ Khu vực thuộc giai đoạn 1: 44,23ha (được Ủy ban nhân dân quận 2 phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 10530/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2008);

+ Khu vực thuộc giai đoạn 2: 66,03ha.

- Cơ cấu sử dụng đất đối với toàn khu:



| STT      | Loại đất   | Diện tích (ha) | Tỷ lệ %     |
|----------|--|----------------|-------------|
| <b>A</b> | <b>Đất đơn vị ở</b>  | <b>80,2</b>    | <b>72,7</b> |
| 1        | Đất nhóm nhà ở   | 39,62          | 35,9        |
| 2        | Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở                                      | 5,31           | 4,8         |
| 3        | Đất cây xanh công cộng -Thể dục thể thao                                   | 14,82          | 13,4        |
| 4        | Đất giao thông nội bộ  | 20,41          | 18,5        |
| <b>B</b> | <b>Đất ngoài đơn vị ở</b>  | <b>30,10</b>   | <b>27,3</b> |
| 1        | Đất công trình công cộng cấp đô thị (trường chuyên ngành, viện điều dưỡng) | 13,45          | 12,2        |
| 2        | Đất cây xanh ngoài đơn vị ở  | 2,90           | 2,6         |
| 3        | Đất giao thông đối ngoại   | 7,55           | 6,8         |
| 4        | Đất khác (kênh, rạch, ao hồ)   | 6,20           | 5,6         |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>110,26</b>  | <b>100</b>  |

### 3.4.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

| STT | Nội dung chỉ tiêu              | Đơn vị tính        | Chỉ tiêu         |
|-----|--------------------------------|--------------------|------------------|
| 1   | Dân số dự kiến                 | người              | Tối đa<br>18.000 |
| 2   | Mật độ dân số                  | người/ha           | 180              |
| 3   | Mật độ xây dựng chung          | %                  | 25÷35            |
| 4   | Tầng cao xây dựng              | tối đa             | 25               |
|     |                                | tối thiểu          | 2                |
| 5   | Hệ số sử dụng đất trong lô đất | lần                | 1,5 - 4,0        |
| 6   | Hệ số sử dụng đất toàn khu     | lần                | 0,8 - 1,0        |
| 7   | Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng  | m <sup>2</sup> /ng | 44 - 45          |
|     | + Đất ở                        | m <sup>2</sup> /ng | 22 - 23          |
|     | + Đất công trình công cộng     | m <sup>2</sup> /ng | 2,9 - 3,0        |
|     | + Đất cây xanh - mặt nước      | m <sup>2</sup> /ng | 8,0 - 8,5        |
|     | + Đất giao thông               | m <sup>2</sup> /ng | 11,0 - 11,5      |

|   |   |                |               |
|---|---|----------------|---------------|
| 8 | Chi tiêu hạ tầng kỹ thuật                   |                |               |
|   | + Tiêu chuẩn cấp nước                       | lít/người/ngày | 200 - 250     |
|   | + Tiêu chuẩn thoát nước                     | lít/người/ngày | 200 - 250     |
|   | + Tiêu chuẩn cấp điện                       | kwh/ng/năm     | 1.800 - 2.000 |
|   | + Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường | kg/người/ngày  | 1,0 - 1,5     |

### 3.5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

#### 3.5.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Trong phạm vi đồ án khu dân cư liên phường, nghiên cứu phát triển khu cao tầng (khu ở và các khu chức năng khác thuộc đô thị) dọc theo xa lộ vành đai đường Nguyễn Thị Định. Tổ chức hệ thống giao thông hướng tâm hình thành khu trung tâm đơn vị ở thuộc giai đoạn 2 (lõi trung tâm có hệ thống kênh đào bao quanh) làm điểm nhấn cho khu đô thị và tập trung các công trình sử dụng đất hỗn hợp thương mại - dịch vụ - văn phòng và căn hộ...

- Tổ chức khu đô thị thành 2 đơn vị ở theo các giai đoạn phát triển, trong đó khu vực thuộc giai đoạn 1 tổ chức không gian tương đối tĩnh với chức năng: khu nhà ở thấp tầng, viện điều dưỡng... tách không gian với khu vực giai đoạn 2 (khu trung tâm, các khu chức năng công trình công cộng, khu sử dụng đất hỗn hợp, nhiều nhà ở cao tầng) bởi rạch Ông Keo được mở rộng và cải tạo mới bao quanh trung tâm. Phát huy, khai thác tối đa đặc điểm yếu tố tự nhiên: kênh, rạch, địa hình, thổ nhưỡng... góp phần tạo nên nét mới cho việc hình thành khu đô thị sinh thái hiện đại, hài hòa, mang giá trị đặc trưng miền sông nước.

- Bố cục không gian đa dạng các loại hình khu nhà ở, các khu chức năng thuộc khu đô thị xây dựng mới phục vụ nhu cầu nhà ở, khu tái định cư, khu điều dưỡng... tạo nhiều không gian ở đa dạng sống động phù hợp tính chất chức năng. Việc tổ chức không gian cần được xem xét trên cơ sở tương đồng và hài hòa với khu vực lân cận: khu dân cư phường Bình Trưng Đông 154ha, khu dân cư Thạnh Mỹ Lợi 174ha và khu dân cư Cát Lái (Invesco) 166ha.

#### 3.5.2. Thiết kế đô thị:

Khi thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 cần chú ý triển khai các nội dung sau:

- Định hướng thiết kế đô thị dọc trục vành đai phía Đông, dọc tuyến đường

Nguyễn Thị Định và các khu vực trực chính, không gian mở gắn với trung tâm khu đô thị, khai thác không gian cảnh quan khu vực rạch Ông Keo mở rộng, bao quanh lõi trung tâm và các điểm nhấn quan trọng khác;

- Quy định quản lý kiến trúc về nhà ở trên các tuyến đường chính (vành đai phía Đông, đường Nguyễn Thị Định và một số đường chính);

- Hạn chế bố trí nhà ở thấp tầng (đặc biệt dạng liên kế) dọc tuyến đường vành đai phía Đông (lộ giới 67m), nghiên cứu khai thác dạng nhà ở trung, cao tầng hoặc sử dụng chức năng hỗn hợp.

### **3.6. Giao thông và hành lang cách ly sông rạch:**

Định hướng quy hoạch giao thông chính liên quan khu vực dự án như sau:

- Phía Tây Bắc khu đô thị giáp đường vành đai phía Đông thành phố lộ giới 67m;

- Phía Tây Nam khu đô thị giáp đường Nguyễn Thị Định lộ giới 30m;

- Tổ chức nút giao thông khác cốt tại giao lộ giữa đường vành đai phía Đông và đường Nguyễn Thị Định;

- Các đường nội bộ khu vực (lộ giới 12÷20m) và các đường đi bộ;

- Bán kính cong triển lè  $R = 15m$  tại các góc giao lộ chính,  $R = 8m$  tại các góc giao lộ khác và góc vạt tầm nhìn thực hiện theo quy chuẩn xây dựng;

- Mép bờ cao và hành lang bảo vệ bờ sông Bà Cua, rạch Ông Keo, rạch Nghỉ và các rạch nhánh, cắt giữ lại hoặc chỉnh trang, mở rộng thuộc phạm vi dự án được xác định căn cứ Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và do Sở Giao thông vận tải xác định cụ thể.

### **3.7. Các điểm lưu ý quan trọng khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết:**

- Cần có ý kiến thỏa thuận bổ sung của Sở Giao thông vận tải đối với khu vực giai đoạn 2 (66,03ha) về diện tích san lấp - cải tạo mở rộng rạch, xác định mép bờ cao và hành lang bảo vệ rạch... trong khu vực, lưu ý chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 6814/UBND-ĐTMT ngày 11 tháng 10 năm 2007 về chương trình chống ngập và đảm bảo yêu cầu về thoát nước;

- Cần có ý kiến thỏa thuận của đơn vị chủ quản, quản lý tuyến ống khí đốt đi

ngang dự án: xác định cụ thể phạm vi hành lang cách ly, an toàn kỹ thuật, về khả năng kết nối hệ thống kỹ thuật và yếu tố tác động bảo vệ môi trường;

- Về công trình công cộng: theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020, chỉ tiêu đất giáo dục đối với khu vực quận 2 là 8 - 10m<sup>2</sup>/chỗ học; Ủy ban nhân dân quận 2 cần có ý kiến về bố trí hệ thống trường lớp và xác định chỉ tiêu sử dụng đất cho các cấp học liên quan bố trí tại dự án. Cần lưu ý mạng lưới phát triển quy hoạch ngành thương mại - dịch vụ trên địa bàn quận để bố trí sử dụng đất phù hợp và lưu ý thêm về định hướng phát triển khai thác không gian ngầm (bố trí bãi đậu xe, công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc các chức năng khác phục vụ đô thị);

- Về quỹ đất nhà ở xã hội bàn giao lại cho thành phố, cần lưu ý thực hiện theo Thông báo số 2921/TB-VP ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Sở Xây dựng;

- Về bố trí trường múa (quy mô 5,97ha): cần nghiên cứu vị trí bố trí và hình thể khu đất liên quan đường vành đai phía Đông và ảnh hưởng đối với tuyến điện cao thế 110kV;

- Lưu ý bố trí công viên cây xanh tập trung có quy mô phù hợp khu vực; chỉ tiêu đất cây xanh công cộng tập trung (không tính diện tích mặt nước) cần đạt tối thiểu 3 - 4 m<sup>2</sup>/ng;

- Lưu ý việc tổ chức các khu trung tâm đơn vị ở phù hợp quy chuẩn xây dựng về các hạng mục chức năng, bán kính phục vụ đến các nhóm ở;

- Trong khu vực khu đô thị cần rà soát cập nhật các khu đất, dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư và được Sở Quy hoạch - Kiến trúc cung cấp thông tin quy hoạch.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2.000) nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố:

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn đơn vị tư vấn lập đề án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2.000) theo nội dung Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Ủy ban nhân dân quận 2 rà soát, thống kê và cung cấp cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc bản đồ địa chính, địa hình (1/2.000) và danh sách, ranh các dự án đầu tư cùng tiến độ triển khai trên khu vực lập quy hoạch chi tiết.

- Giao Ủy ban nhân dân quận 2, Ban Quản lý dự án khu vực quận 2, Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn phối hợp, cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan quy hoạch chi tiết, kết nối không gian đô thị và hạ tầng xã hội, kỹ thuật tại khu vực cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 551/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2010*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về điều chỉnh địa điểm trong nhiệm vụ điều chỉnh  
quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm  
và dân cư quận 12 tại phường Thới An, quận 12**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận 12;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 2290/SQHKT-QHKV2 ngày 11 tháng 8 năm 2009 và Công văn số 3218/SQHKT-QHKV2 ngày 13 tháng 11 năm 2009,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh địa điểm trong Quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm và dân cư quận 12 tại phường Thới An (khu 1 - phía Nam), quận 12 thành: Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm và dân cư quận 12 tại phường Thới An (khu 1 và **khu 2** - phía Nam), quận 12.

Các nội dung khác của Quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2009 không thay đổi.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm và dân cư Quận 12 tại phường Thới An (khu 1 và **khu 2** - phía Nam), quận 12, giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Ủy ban nhân dân quận 12 triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000; thẩm định và trình duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12 và Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Công văn số 47/ĐC-CP ngày 09 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;



Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 36/2009/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 62/2007/QĐ-BNN ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, ban hành kèm theo Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đầu tư hạ tầng nông nghiệp - nông thôn phục vụ chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1121/TTr-SNN-CCTL ngày 27 tháng 8 năm 2009,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 3522/QĐ-UB-KT ngày 30 tháng 7 năm

1996 của Ủy ban nhân dân thành phố về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND  
ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng đối với các công trình thủy lợi được đầu tư hoàn toàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; một phần nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn của tổ chức, cá nhân.

2. Các công trình và hệ thống công trình thủy lợi đã xây dựng được đưa vào quản lý khai thác như: hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi, hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh, hệ thống thủy lợi N31A, hệ thống thủy lợi An Phú - Phú Mỹ Hưng và các công trình thủy lợi khác, phục vụ tưới tiêu, thoát nước, cải thiện môi trường, các công trình phòng, chống lụt, bão ở các quận, huyện.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và mọi cá nhân có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Trong trường hợp công trình thủy lợi được giao cho cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ thì cá nhân đó phải thành lập doanh nghiệp tư nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Thủy lợi phí: là phí dịch vụ về nước thu từ tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất nông nghiệp.

2. Tiền nước: là giá tiền trong hợp đồng dịch vụ về nước thu từ tổ chức, cá nhân

sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi ngoài mục đích sản xuất nông nghiệp (cấp nước cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhà máy nước sinh hoạt, thủy điện, du lịch và một số dịch vụ khác được hưởng lợi từ công trình thủy lợi).

3. Tưới tiêu chủ động bằng trọng lực: là cách tưới tiêu đưa nước trực tiếp vào mặt ruộng hoặc rút nước trực tiếp từ mặt ruộng ra bằng hệ thống kênh, cống, hồ chứa. Trong trường hợp nguồn nước của công trình đầu mối có khó khăn, hồ dùng nước phải bơm, tát vào ruộng nhưng không vượt quá 1/3 số lần tưới tiêu cần thiết.

4. Tưới tiêu chủ động một phần: là cách tưới tiêu tự chảy bằng trọng lực nhưng còn thất thường và hồ dùng nước phải bơm, tát lớn hơn 1/3 số lần tưới tiêu cần thiết.

5. Tưới tiêu bằng động lực: là cách tưới tiêu đưa nước trực tiếp vào mặt ruộng hoặc rút nước trực tiếp từ mặt ruộng ra bằng hệ thống trạm bơm.

6. Tưới tiêu theo triều: là cách tưới tiêu đưa nước trực tiếp vào mặt ruộng hoặc rút nước trực tiếp từ mặt ruộng ra bằng việc lợi dụng chế độ thủy triều lên xuống.

7. Đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là đơn vị quản lý khai thác), bao gồm: các công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần; các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức hợp tác dùng nước và các tổ chức khác được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

### **Điều 3. Yêu cầu quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Mỗi hệ thống công trình thủy lợi hoặc công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải bảo đảm tính hệ thống của công trình, không chia cắt theo địa giới hành chính.

3. Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng từ mọi nguồn vốn đều phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật và dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra, bảo đảm an toàn công trình.

5. Công trình thủy lợi được khai thác, sử dụng tổng hợp để phục vụ các ngành kinh tế quốc dân.

**Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Chấp hành đầy đủ các quy định về Luật Tài nguyên nước, Luật Đê điều, Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
2. Sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, hiệu quả; thực hiện các biện pháp phòng, chống cạn kiệt, suy thoái chất lượng nguồn nước.
3. Không gây cản trở hay gây thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.
4. Khi phát hiện công trình thủy lợi bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, người phát hiện có trách nhiệm ngăn chặn, khắc phục nếu có thể thực hiện được, kịp thời báo ngay cho chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân quản lý công trình nơi gần nhất để xử lý theo quy định.
5. Tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi có trách nhiệm tham gia xây dựng kế hoạch khai thác và phương án bảo vệ công trình.

**Chương II****QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI****Mục 1****QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI****Điều 5. Bàn giao và đưa công trình vào quản lý khai thác**

1. Tất cả các công trình thủy lợi sau khi hoàn thành phải giao cho đơn vị quản lý khai thác.
2. Công trình thủy lợi được đầu tư bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước do doanh nghiệp nhà nước quản lý khai thác và bảo vệ:
  - a) Hệ thống công trình thủy lợi lớn, có kỹ thuật phức tạp hoặc đi qua địa bàn nhiều quận - huyện được giao cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố quản lý khai thác và bảo vệ: hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh; hệ thống thủy lợi kênh Đông - Củ Chi; hệ thống thủy lợi N31A; hệ thống thủy lợi An Phú - Phú Mỹ Hưng và các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, thoát nước, cải thiện môi trường. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc giao các công trình thủy lợi này cho Công ty Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi quản lý khai thác và bảo vệ;

b) Các hệ thống công trình thủy lợi khác và công trình phòng, chống lụt, bão tại các quận - huyện được giao cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện quyết định bàn giao các công trình thủy lợi và công trình phòng, chống lụt, bão tại địa phương cho đơn vị chuyên ngành trực thuộc quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Trường hợp không có đơn vị chuyên ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện phải thành lập đơn vị quản lý khai thác nằm trong địa bàn mình quản lý.

3. Công trình thủy lợi được xây dựng bằng nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân sử dụng nước do tổ chức hợp tác dùng nước quản lý khai thác và bảo vệ.

4. Công trình thủy lợi được xây dựng bằng vốn của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó quản lý khai thác và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

5. Việc giao công trình thủy lợi cho đơn vị quản lý khai thác phải thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Xác định đúng giá trị tài sản tại thời điểm chuyển giao;

b) Việc quản lý khai thác và bảo vệ phải thực hiện theo quy định tại Điều 3 Chương I Quy định này;

c) Cán bộ phụ trách kỹ thuật phải có chứng chỉ về nghiệp vụ thủy lợi do cơ sở đào tạo thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp hoặc bằng tốt nghiệp từ trung học chuyên nghiệp ngành thủy lợi trở lên.

### **Điều 6. Nhiệm vụ của đơn vị quản lý khai thác**

Các đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có nhiệm vụ:

1. Phục vụ đầy đủ, kịp thời đúng tiến độ về dịch vụ tưới nước và tiêu nước cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối đồng thời thực hiện triệt để chính sách tiết kiệm nước;

2. Điều hòa, phân phối nước công bằng, hợp lý phục vụ sản xuất và đời sống, ưu tiên nước sinh hoạt; thực hiện hợp đồng với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm dịch vụ từ công trình thủy lợi;

3. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, dự án đầu tư của hệ thống công trình thủy lợi đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm

quyền (Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân quận, huyện) phê duyệt;

4. Theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố; duy tu, bảo dưỡng, vận hành bảo đảm an toàn công trình; kiểm tra, sửa chữa công trình trước và sau mùa mưa, lũ;

5. Làm chủ đầu tư trong việc duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi; duy trì, phát triển năng lực công trình, bảo đảm công trình an toàn và sử dụng lâu dài;

6. Xây dựng hoặc tham gia xây dựng quy trình vận hành công trình, quy trình điều tiết nước của hồ chứa, quy trình vận hành hệ thống, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

7. Quan trắc, theo dõi thu thập các số liệu theo quy định; nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; lưu trữ hồ sơ khai thác công trình thủy lợi;

8. Bảo vệ chất lượng nguồn nước; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; phòng, chống lũ, lụt xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra;

9. Tổ chức để nhân dân tham gia xây dựng kế hoạch khai thác và phương án bảo vệ công trình;

10. Hàng năm, các đơn vị quản lý khai thác thực hiện lập dự toán, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

11. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Quyền hạn của đơn vị quản lý khai thác**

1. Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi và tổ chức hợp tác dùng nước được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Quy định này có quyền hạn quy định tại Điều 18 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Điều 8 Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định khác của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này có các quyền hạn quy định tại khoản 2, 5, 7, 8 Điều 18 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định khác của pháp luật.

### **Điều 8. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của đơn vị quản lý khai thác**

Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của đơn vị quản lý khai thác được quy định tại khoản 4 Mục IV Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính, bao gồm các điểm chính sau:

1. Doanh thu của đơn vị quản lý khai thác:

- Doanh thu từ phí dịch vụ tưới nước, tiêu nước: là khoản cấp bù thủy lợi phí đã được nghiệm thu và tiền thu thủy lợi phí của đối tượng không được miễn thủy lợi phí;

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp: nuôi bắt thủy sản, du lịch, phát điện, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt cho khu công nghiệp, các hoạt động khác;

- Doanh thu từ các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định như trợ cấp, trợ giá (không tính vào các khoản: hỗ trợ cho đại tu, nâng cấp công trình thủy lợi, khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai, hỗ trợ hai quỹ khen thưởng, phúc lợi);

- Doanh thu khác.

2. Chi phí của đơn vị quản lý khai thác:

- Chi phí cho công tác tưới nước và tiêu nước;

- Chi phí cho việc hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp (nuôi trồng thủy sản, đánh bắt cá, bảo vệ, kinh doanh khác,...);

- Chi phí cho hoạt động khác (chi phí thu hồi các khoản nợ khó đòi đã được xóa nợ, chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định).

3. Lợi nhuận của đơn vị quản lý khai thác: là tổng hợp lợi nhuận hoạt động tưới nước, tiêu nước, cấp nước, lợi nhuận khai thác tổng hợp và lợi nhuận hoạt động khác.

## Mục 2

### THỦY LỢI PHÍ - TIỀN NƯỚC - CÁC VẤN ĐỀ VỀ CẤP BÙ MIỄN THỦY LỢI PHÍ

#### Điều 9. Mức thu thủy lợi phí

1. Mức thu thủy lợi phí áp dụng đối với công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước được quy định cụ thể như sau:

a) Biểu mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa và diện tích trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây trồng hàng năm khác:



| TT       | Hệ thống công trình  | Mức thu thủy lợi phí (đồng/ha/vụ) |  |
|----------|--|-----------------------------------|--|
|          |  | Trồng lúa                         | Trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái, cây lâm nghiệp, các loại cây trồng hàng năm khác |
| <b>1</b> | <b>Hệ thống công trình thủy lợi Kênh Đông - Củ Chi</b>   |                                   |  |
|          | Tưới tiêu chủ động bằng trọng lực  | 801.000                           | 320.400  |
|          | Tưới tiêu chủ động một phần (bằng trọng lực)   | 480.600                           | 192.240  |
|          | Tưới tiêu bằng động lực  | 886.000                           | 354.400  |
| <b>2</b> | <b>Hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh và các công trình thủy lợi tưới tiêu theo triều</b> |                                   |  |
|          | Tưới tiêu theo triều   | 560.700                           | 224.280  |

b) Mức thủy lợi phí áp dụng đối với sản xuất muối tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

c) Mức thủy lợi phí áp dụng đối với hộ nông dân nuôi trồng thủy sản là 500 đồng/m<sup>3</sup> hoặc 250 đồng/m<sup>2</sup> mặt thoáng/năm.

2. Mức thủy lợi phí của các công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước do đơn vị quản lý khai thác thỏa thuận với hộ dùng nước, được Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Mức thủy lợi phí quy định tại Điều này là cơ sở để cấp bù cho đơn vị quản lý khai thác và được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngân sách thành phố đảm bảo cấp bù thủy lợi phí được miễn và các khoản trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Mức thu tiền nước**

1. Biểu mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực:

| TT | Đối tượng dùng nước   | Đơn vị tính                    | Biện pháp lấy nước       |  |
|----|---|--------------------------------|--------------------------|--|
|    |   |                                | Bảng đồng lực (trạm bơm) | Tự chảy bằng trọng lực (hồ chứa, kênh, cống) |
| 1  | Cấp nước cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp   | đồng/m <sup>3</sup>            | 1.500                    | 750  |
| 2  | Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi  | đồng/m <sup>3</sup>            | 1.100                    | 750  |
| 3  | Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, hoa và cây dược liệu, cây ăn trái (áp dụng đối với các tổ chức kinh tế, đơn vị tập trung) | đồng/m <sup>3</sup>            | 850                      | 700  |
| 4  | Cấp nước để nuôi trồng thủy sản   | đồng/m <sup>3</sup>            | 700                      | 500  |
|    |   | đồng/m <sup>2</sup> mặt thoáng | 250                      |  |
| 5  | Vận tải qua âu thuyền, cống của hệ thống thủy lợi:<br>- Thuyền, sà lan<br>- Các loại bè   | đồng/tấn/lượt                  | 6.000                    |  |
|    |   | đồng/m <sup>2</sup> /lượt      | 1.500                    |  |
| 6  | Sử dụng công trình thủy lợi kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân golf, casino, nhà hàng)            | tổng giá trị doanh thu         | 12%                      |  |

- Trường hợp lấy nước theo khối lượng thì mức tiền nước được tính từ vị trí nhận nước của tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m<sup>3</sup>) thì thu theo diện tích (ha), mức thu bằng mức thủy lợi phí đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày.

2. Mức tiền nước của các công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước do đơn vị quản

lý khai thác thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng nước, nhưng không được vượt quá mức trần theo Biểu mức thu tiền nước quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị quản lý khai thác trực tiếp thu tiền nước của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước thuộc các đối tượng dùng nước quy định tại khoản 1 Điều này thông qua hợp đồng kinh tế.

### **Điều 11. Đối tượng, phạm vi và mức miễn thủy lợi phí**

1. Đối tượng miễn thủy lợi phí bao gồm: hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối.

2. Phạm vi miễn thủy lợi phí:

Miễn thủy lợi phí đối với tổng diện tích mặt đất, mặt nước trong hạn mức giao đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân dùng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối, bao gồm: đất, mặt nước được nhà nước giao; được thừa kế, cho, tặng; được chuyển nhượng hợp pháp; kể cả phần diện tích đất, mặt nước 5% công ích do địa phương quản lý mà các hộ gia đình, cá nhân được giao hoặc đấu thầu quyền sử dụng.

Không được miễn thủy lợi phí đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất nông nghiệp; diện tích đất, mặt nước các hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán của các doanh nghiệp, nông, lâm trường.

Diện tích mặt đất, mặt nước miễn thủy lợi phí quy định tại Điều này không phân biệt được cấp, tưới, tiêu nước từ công trình thủy lợi đầu tư bằng vốn ngân sách hay các nguồn vốn khác, thu thủy lợi phí theo mức Nhà nước quy định hay theo thỏa thuận.

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định diện tích miễn thủy lợi phí đối với đơn vị quản lý khai thác của thành phố.

3. Mức miễn thủy lợi phí:

Mức miễn thủy lợi phí đối với trường hợp sử dụng nước từ công trình thủy lợi đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước được tính theo mức quy định tại khoản 1 Điều 9 và số thứ tự 3, 4 Biểu mức thu tiền nước tại khoản 1 Điều 10 Quy định này.

Mức miễn thủy lợi phí đối với trường hợp sử dụng nước từ công trình thủy lợi đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước được tính theo mức thu thủy lợi phí thỏa thuận quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này.

4. Các trường hợp không thuộc diện miễn thủy lợi phí theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải nộp thủy lợi phí cho đơn vị quản lý khai thác theo mức quy định tại khoản 1 Điều 9 và số thứ tự 3, 4 Biểu mức thu tiền nước tại khoản 1 Điều 10 Quy định này.

**Điều 12. Lập kế hoạch, giao dự toán, cấp phát, quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn, kinh phí hỗ trợ tài chính cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi**

1. Việc lập kế hoạch, giao dự toán, cấp phát, quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn, kinh phí hỗ trợ tài chính đối với các đơn vị quản lý khai thác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2009, Thông tư số 36/2009/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Đối với việc cấp phát kinh phí hỗ trợ tài chính cho đơn vị quản lý khai thác: Căn cứ vào kế hoạch được giao cho các đơn vị quản lý khai thác, cơ quan tài chính cấp tạm ứng 50% dự toán năm ngay từ quý I của năm kế hoạch. Đến đầu quý IV năm kế hoạch, các đơn vị quản lý khai thác báo cáo tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm và kế hoạch quý IV của năm kế hoạch, cơ quan tài chính thực hiện việc cấp tiếp kinh phí phù hợp với kế hoạch và dự toán ngân sách được giao.

Đơn vị quản lý khai thác chỉ được hỗ trợ trong phạm vi dự toán ngân sách đã được phê duyệt. Trường hợp thực hiện vượt dự toán được duyệt sẽ xử lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Kinh phí sửa chữa lớn công trình thủy lợi:

Kế hoạch sửa chữa lớn công trình thủy lợi phải được đơn vị quản lý khai thác xây dựng từ đầu quý IV năm trước và theo trình tự thủ tục quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản và các quy định khác của pháp luật. Kinh phí sửa chữa lớn công trình thủy lợi không thuộc nguồn thu thủy lợi phí và nguồn kinh phí kinh doanh khai thác tổng hợp của đơn vị quản lý khai thác.

4. Kinh phí khôi phục công trình thủy lợi bị hư hỏng do thiên tai bất thường:

Việc cấp phát kinh phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện trong điều kiện thời tiết bình thường. Trường hợp thiên tai bất thường gây hư hỏng công trình, hạng mục công trình thủy lợi, đơn vị quản lý khai thác có thể đề nghị cơ quan giao kế hoạch cấp phát tạm ứng kinh phí để khắc phục hậu quả do thiên tai trong phạm vi kế hoạch được giao, đồng thời tiến hành kiểm tra, khảo sát, xác định

đầy đủ những hư hỏng, lập biên bản báo cáo, lập dự án sửa chữa, khôi phục công trình theo trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản và các quy định khác của pháp luật. Kinh phí khôi phục công trình thủy lợi bị hư hỏng do thiên tai bất thường không thuộc nguồn thu thủy lợi phí và nguồn kinh phí kinh doanh khai thác tổng hợp của đơn vị quản lý khai thác.

5. Kinh phí cấp phát hỗ trợ hai quỹ khen thưởng và phúc lợi: được thực hiện tương tự như cấp phát khoản kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn trên cơ sở kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định.

### **Điều 13. Quyết toán kinh phí hỗ trợ tài chính đối với hình thức giao kế hoạch**

1. Việc thực hiện quyết toán các khoản hỗ trợ tài chính được thực hiện theo các quy định hiện hành. Cơ quan giao kế hoạch phối hợp với cơ quan tài chính kiểm tra và phê duyệt các khoản hỗ trợ tài chính hàng năm cùng với thời gian phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm.

2. Việc xử lý kinh phí cấp thừa, thiếu: sau quyết toán năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nếu số kinh phí được cấp trong năm lớn hơn số được hỗ trợ theo quyết toán, số chênh lệch được chuyển thành số cấp phát của năm sau; trường hợp số cấp phát ít hơn số được hỗ trợ theo quyết toán thì sẽ được cấp tiếp. Số cấp tiếp được lấy từ dự toán ngân sách năm sau.

## **Chương III BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

### **Điều 14. Trách nhiệm bảo vệ công trình**

1. Đơn vị quản lý khai thác có trách nhiệm bảo vệ máy móc, thiết bị, nhà xưởng của công trình thủy lợi, lập hàng rào bảo vệ, cấm mố chỉ giới công trình thủy lợi, niêm yết nội quy, lắp đặt biển báo, bảng cấm cho từng công trình, đặc biệt đối với các công trình đầu mối và quan trọng, lập phương án bảo vệ thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn liên quan có trách nhiệm kiểm tra các tổ chức, cá nhân tại địa phương trong việc chấp hành Quy định này; phát hiện, ngăn chặn kịp thời mọi hành vi vi phạm đối với công trình thủy lợi và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi có trách nhiệm ngăn chặn các trường hợp vi phạm đối với công trình thủy lợi và khi có nguy cơ xảy ra sự cố thì phải tham gia ứng cứu bảo vệ công trình thủy lợi theo sự huy động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương.

### **Điều 15. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Đối với kênh tưới (kênh nổi):

a) Kênh có lưu lượng lớn hơn  $10\text{m}^3/\text{giây}$ , phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra mỗi bên 5m;

b) Kênh có lưu lượng từ  $2\text{m}^3/\text{giây}$  đến  $10\text{m}^3/\text{giây}$ , phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra mỗi bên 3m;

c) Kênh nội đồng, kênh đã kiên cố hóa, phải có đường đi lại để quản lý vận hành và duy tu, sửa chữa, phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra mỗi bên tối thiểu 3m.

2. Đối với kênh tiêu, kênh tưới tiêu kết hợp (vùng ảnh hưởng triều) và các kênh, rạch khác: phạm vi hành lang bảo vệ phải đảm bảo có nơi để phục vụ nạo vét và phù hợp theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đối với đê bao, kè bảo vệ đê, cống qua đê, cống tưới tiêu, cống ngăn mặn, giữ ngọt, cống ngăn lũ:

a) Đê bao sông, đê cửa sông, đê bao kênh rạch, đê cấp IV và V: phạm vi bảo vệ không được nhỏ hơn 5 mét tính từ chân đê trở ra về phía sông và phía đồng;

b) Đê bao cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III: quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Đê điều;

c) Đối với kè bảo vệ đê, cống qua đê, cống tưới tiêu, cống ngăn mặn, giữ ngọt, cống ngăn lũ: phạm vi bảo vệ từ phần xây đúc cuối cùng của kè bảo vệ đê, cống qua đê trở ra mỗi phía 50 mét.

4. Đối với trạm bơm: phạm vi bảo vệ theo hàng rào được quy định và phải có giao quyền cho đơn vị quản lý khai thác.

5. Đối với kè bảo vệ đê, cống qua đê ngăn mặn, giữ ngọt ở cửa sông: phạm vi bảo vệ từ phần xây đúc cuối cùng của kè bảo vệ đê, cống qua đê trở ra mỗi phía 50 mét.

6. Các loại công trình thủy lợi khác (cầu máng, si phong, đằm, hồ điều tiết nước, đập): đơn vị quản lý khai thác nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét có quyết định riêng.

7. Trường hợp cần mở rộng hành lang bảo vệ đối với vùng đã xảy ra đùn, sủi hoặc có nguy cơ đùn, sủi gây nguy hiểm đến an toàn đê do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

### **Điều 16. Nghiêm cấm các hành vi sau đây**

1. Lấn chiếm, sử dụng đất trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; các hoạt động gây cản trở đến việc quản lý, sửa chữa và xử lý công trình khi có sự cố.

2. Các hành vi trái phép gây mất an toàn cho công trình thủy lợi trong phạm vi bảo vệ công trình, bao gồm:

a) Khoan, đào đất, đá, xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Sử dụng chất nổ gây hại; tự ý dỡ bỏ hoặc lấp công trình thủy lợi;

c) Lấn chiếm đất để làm nhà, bến neo đậu ghe tàu, bến bốc dỡ hàng hóa, kho tàng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; trừ công trình phục vụ phòng, chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ, công trình đặc biệt;

d) Xê dịch biển báo, mốc cắm của các công trình thủy lợi;

e) Phá hoại cây chắn sóng, cây bảo vệ bờ kênh, rạch thủy lợi, trừ trường hợp khai thác theo quy định hướng dẫn của cơ quan, đơn vị đang quản lý công trình bờ kênh, rạch.

3. Các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước của công trình thủy lợi như: thải chất độc hại, rác, xác súc vật chết, chai lọ, thuốc bảo vệ thực vật; nước thải từ các cơ sở sản xuất công nghiệp hay khu công nghiệp, nước thải từ các khu sản xuất, nuôi trồng thủy sản, nước thải sinh hoạt từ khu dân cư, khu kinh doanh (các loại nước thải nêu trên chưa được xử lý hoặc đã được xử lý nhưng chưa đạt tiêu chuẩn cho phép) vào công trình thủy lợi.

4. Vận hành công trình thủy lợi trái với quy trình, quy phạm kỹ thuật đã được quy định.

5. Sử dụng phương tiện giao thông cơ giới quá tải qua công trình thủy lợi gây mất an toàn, neo đậu tàu thuyền gây sạt lở trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; trừ xe kiểm tra đê, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cứu thương, cứu hỏa.

6. Lấn chiếm, sử dụng trái phép mặt nước kênh thủy lợi, cống, các công trình thủy lợi khác vào mục đích của tổ chức, cá nhân trái với mục tiêu phục vụ công cộng của công trình.

7. Các hành vi gây trở ngại cho công tác khai thác và bảo vệ công trình: làm cản trở dòng chảy, đổ đất, đá, rác gây bồi lắng lòng kênh; chèn, thả súc vật trong phạm vi bảo vệ công trình; cản trở gây khó khăn cho người làm công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.

8. Các hành vi khác gây mất an toàn cho công trình thủy lợi; các hành vi khác gây cản trở dòng chảy và thoát lũ.

### **Điều 17. Cấp phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ, thu hồi giấy phép xả nước thải vào các hệ thống công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định này, với lưu lượng xả dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (nội dung cụ thể theo Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN, ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi).

2. Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ, thu hồi giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều (nội dung cụ thể theo Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định hiện hành có liên quan); cụ thể các trường hợp sau:

a) Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất, thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò khai thác khoáng sản; khoan, đào thăm dò khai thác vật liệu xây dựng; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác;

b) Trồng cây lâu năm; chôn lấp phế thải, chất thải;

c) Khai thác các hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình;

d) Các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới quá tải cho phép của công trình thủy lợi;



đ) Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ, tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; chuồng trại gia súc, nuôi trồng thủy sản; nhà cửa; các công trình ngầm như đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp, thoát nước; xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có;

e) Các hoạt động khác liên quan đến an toàn của công trình thủy lợi, công trình đê điều và công trình phòng, chống lụt, bão.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

#### **Điều 18. Quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi**

Quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008, bao gồm các nội dung sau:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch chính sách về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố;
2. Chỉ đạo việc lập kế hoạch phòng, chống úng, hạn trên địa bàn thành phố;
3. Lập, trình duyệt, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
4. Hướng dẫn thi hành các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố;
5. Cấp, thu hồi giấy phép theo thẩm quyền đối với các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố;
6. Quyết định theo thẩm quyền các biện pháp xử lý trong trường hợp công trình thủy lợi có nguy cơ xảy ra sự cố; thực hiện việc điều hòa, phân phối nước trong công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố trong trường hợp xảy ra úng, hạn, ưu tiên nước sinh hoạt; tổng hợp kế hoạch phòng, chống úng, hạn trong thành phố;
7. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; tuyên truyền và phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố;

8. Thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

9. Thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi thuộc thành phố quản lý theo quy định của pháp luật;

10. Thực hiện phân cấp quản lý cụ thể các công trình thủy lợi theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

11. Giám sát việc xây dựng ban hành các định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật cho các đơn vị quản lý khai thác; quyết định phương thức giao kế hoạch cho các đơn vị quản lý khai thác, duyệt dự toán, cấp phát, quản lý quyết toán kinh phí cho các đơn vị quản lý khai thác;

12. Xây dựng dự toán cấp bù thủy lợi phí hàng năm cho các đơn vị quản lý khai thác, trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét quyết định;

13. Giám sát việc thực hiện thu, chi, thanh quyết toán các khoản hỗ trợ của ngân sách;

14. Tổ chức sắp xếp lại các công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố theo chính sách thu thủy lợi phí mới.

### **Điều 19. Trách nhiệm quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.

3. Các Sở, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố theo sự phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại quận - huyện theo sự phân cấp của Ủy ban nhân dân

thành phố. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn thực hiện quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại phường - xã - thị trấn theo sự phân cấp của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

5. Thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn có nhiệm vụ thanh kiểm tra theo thẩm quyền việc chấp hành pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

## **Chương V**

### **XỬ LÝ VI PHẠM - KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 20. Xử lý vi phạm**

Các hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thủ tục xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều được quy định cụ thể tại Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, Nghị định số 129/2007/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đề điều và các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Điều 21. Khen thưởng**

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 22. Điều khoản thi hành**

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì,

phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2010/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 25 tháng 01 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành  
phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh quận 9 năm 2010****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2009/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân quận về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh quận năm 2010.

**Điều 2.** Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, công ty trực thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Kế hoạch này để xây dựng chương trình hành động cụ thể, nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, công ty trực thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này)/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Tâm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Chỉ đạo, điều hành phát triển**

#### **kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận)*

Thực hiện Nghị quyết số 28/2009/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố; Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2010, Nghị quyết Quận ủy về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2010.

Với mục tiêu tập trung mọi nguồn lực thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng; tăng cường trật tự, kỷ cương trong quản lý đô thị; nâng cao chất lượng công tác giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao; thực hiện tốt các mục tiêu giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân; tổ chức thực hiện chủ đề “Năm 2010 - Năm thực hiện nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị”; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với nội dung “Tu tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh””; tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính; công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần cùng với Thành phố phục hồi tốc độ tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Ủy ban nhân dân quận xây dựng Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2010 với những nhiệm vụ, giải pháp như sau:

**I. Khuyến khích, tạo điều kiện các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, phấn đấu tổng doanh số bán của ngành thương mại - dịch vụ tăng 16%; tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 10 - 12%; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trên địa bàn, trong đó phấn đấu hoàn thành thí điểm mô hình 20 ha vườn cây ăn trái gắn với du lịch sinh thái tại Lân Ngoài - phường Long Phước.**

**\* Phòng Kinh tế** chủ trì phối hợp các ngành liên quan:

a) Tổ chức triển khai kịp thời các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh doanh. Khuyến khích các doanh nghiệp vay vốn kích cầu, đầu tư chuyển đổi công nghệ tiên tiến, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm. Tạo điều kiện cho Hội Doanh nghiệp tổ chức các đợt khuyến mại, nhất là trong các dịp Tết, Lễ lớn. Tăng cường tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

b) Tham mưu thực hiện tốt việc công khai các quy trình, thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống ISO trong giải quyết hồ sơ đăng ký kinh doanh theo phân cấp, để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế quận.

c) Chủ động cùng các ngành chức năng hỗ trợ Ủy ban nhân dân các phường giải quyết các chợ tự phát, xử lý kiên quyết việc vi phạm lấn chiếm lòng lề đường.

d) Phối hợp Đội Quản lý thị trường 9B, cùng các ngành chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, găm hàng, nâng giá và gian lận thương mại, sản xuất và kinh doanh hàng giả, nhằm góp phần bình ổn giá đối với các mặt hàng thiết yếu.

e) Phối hợp các ngành và Ủy ban nhân dân các phường tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, trong đó tập trung đẩy mạnh công tác khuyến nông, tư vấn - hỗ trợ vốn; vận động xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực cây giống, con giống, khuyến nông.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân phường Long Phước vận động, tạo điều kiện các hộ dân quảng bá, khai thác du lịch tại khu vực vườn cây ăn trái gắn với phát triển du lịch sinh thái đã hình thành. Đồng thời, tiếp tục nhân rộng để đạt chỉ tiêu 20ha mô hình vườn cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái tại Lân Ngoài - phường Long Phước.

- Hàng quý thực hiện khảo sát thực tế, đánh giá hiệu quả việc đầu tư thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp; việc thực hiện Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và Chương trình cây kiểng - cá cảnh tại các phường.

f) Phối hợp Điện lực Thủ Thiêm triển khai hoàn thiện mạng lưới điện trên địa bàn.

**II. Tăng cường quản lý thu ngân sách, phấn đấu đạt 464,800 tỷ đồng. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình, chương trình trọng điểm của Thành**



**phố và Quận. Phấn đấu tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách Nhà nước 160 tỷ đồng và thực hiện 20 công trình bê tông, nhựa hóa đường, hẻm theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”**

### **1. Chi Cục Thuế:**

Tiếp tục rà soát, công khai các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế; giải quyết tốt các thủ tục hành chính cho người nộp thuế. Tăng cường công tác kiểm tra thuế, xử lý nghiêm các vi phạm về thuế, nhất là thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp. Tập trung các đợt kiểm tra thu nợ thuế, kiên quyết thu đúng, thu đủ thuế theo quy định của pháp luật.

### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:**

a) Rà soát việc thực hiện các khoản thu phí, lệ phí; tham mưu kiến nghị Thành phố điều chỉnh những khoản thu phí, lệ phí không còn phù hợp.

b) Tiếp tục áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các đơn vị. Tăng cường quản lý chi tiêu ngân sách và tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý chi tiêu ngân sách ở các ngành, các đơn vị. Thực hiện nghiêm túc chế độ công khai dự toán, công khai quyết toán của các đơn vị sử dụng ngân sách.

c) Tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách, bảo đảm bố trí vốn hiệu quả và tiết kiệm. Thường xuyên rà soát, đề xuất đình hoãn, giãn tiến độ các công trình sử dụng nguồn vốn kém hiệu quả và chưa thực sự cần thiết. Tập trung vốn đầu tư cho những công trình có hiệu quả, có khả năng hoàn thành trong năm 2010, các công trình trọng điểm cấp bách, bức xúc trên địa bàn.

d) Chủ động phối hợp các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các phường thường xuyên kiểm tra giá, việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết các mặt hàng thiết yếu. Tăng cường kiểm tra giá thị trường, nhất là trong dịp Lễ, Tết Nguyên đán.

### **3. Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình quận:**

a) Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai đầu tư xây dựng theo kế hoạch đã được bố trí vốn đầu tư từ ngân sách, đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu, tập trung vốn cho các công trình chuyển tiếp. Trong đó:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, trong đó tập trung hoàn thành công trình chuyển tiếp (đường Tam Đa, hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển 100ha vườn cây trái).

- Triển khai thi công và hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình: Trường Tiểu học Long Phước, Tiểu học Phước Long A, Tiểu học Phước Long (phân hiệu); Trạm Y tế Hiệp Phú; Nhà truyền thống tại Khu Di tích vùng Bung “6 xã”. Nâng cấp, mở rộng đường vào Cung Thiếu Nhi (giai đoạn 2).

- Khởi công đường Lê Văn Việt (đoạn ngã ba Lã Xuân Oai - ngã ba Mỹ Thành); Trường Tiểu học Long Bửu, Tiểu học Lê Văn Việt, Trung học cơ sở Phước Long A.

b) Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường thực hiện công khai danh mục các công trình, để tăng cường công tác giám sát của cộng đồng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.

c) Phối hợp Ủy ban nhân dân các phường vận động nhân dân hiến đất làm đường; phấn đấu thực hiện 20 công trình bê tông, nhựa hóa đường, hẻm theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

### **III. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự đô thị, bảo vệ môi trường:**

#### **1. Phòng Quản lý đô thị:**

a) Phối hợp Ủy ban nhân dân các phường thực hiện công khai quy hoạch xây dựng chung quận và quy hoạch Cù lao Long Phước sau khi được phê duyệt.

b) Tích cực phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc đẩy nhanh tiến độ quy hoạch chi tiết 1/2000 trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý nhà nước sau quy hoạch đối với những khu vực có quy hoạch chi tiết; thường xuyên rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch không còn phù hợp.

c) Tham mưu, đề xuất kế hoạch đầu tư duy tu nâng cấp các công trình giao thông, hệ thống thoát nước. Kiến nghị Thành phố phát triển mạng lưới điện, cấp nước sạch tại các khu vực dân cư đông chưa có nước sạch, hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.

d) Phối hợp các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các phường tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về sử dụng lòng lề đường.

e) Tham mưu, xây dựng và triển khai thực hiện tốt phương án phòng, chống bão, lụt; ứng phó kịp thời mọi tình huống, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại và hỗ trợ nhân dân phục hồi sản xuất, ổn định cuộc sống sau thiên tai.

#### **2. Công ty Quản lý và Phát triển đô thị quận:**

Chủ động trong việc tham gia thực hiện chương trình xây dựng 2.000 căn hộ và 02 chung cư phục vụ tái định cư và nhà ở cho đối tượng có thu nhập thấp. Trong đó, hoàn thành 700 nền tại các dự án tái định cư: Cây Dầu, Tiểu khu 1 và 3 (Khu tái định cư Long Bửu - giai đoạn 2) và 1 phần thuộc khu tái định cư Long Sơn. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công dự án khu sản xuất vật liệu xây dựng Long Sơn.

### **3. Phòng Tài nguyên - Môi trường:**

a) Tổ chức thực hiện công tác kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo Chỉ thị số 618/CT-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện các biện pháp triệt để trong cải cách quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến nhà - đất và ứng dụng tốt công nghệ thông tin (phần mềm GIS) trong việc luân chuyển hồ sơ, cập nhật quản lý biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công dân để giảm bớt nhân sự, thời gian thụ lý.

c) Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện của các dự án đã được giao đất, cho thuê đất.

d) Phối hợp các ngành, các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các phường đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm tra, xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, rác sinh hoạt.

e) Phối hợp Ủy ban nhân dân các phường thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận về việc tăng cường quản lý đất đai do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn.

### **4. Thanh tra Xây dựng:**

Phối hợp các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các phường đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra và xử lý kiên quyết, kịp thời đối với các trường hợp xây dựng, trật tự đô thị, lấn chiếm sông rạch, khai thác cát trái phép trên địa bàn.

### **5. Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng:**

a) Phối hợp Ủy ban nhân dân các phường rà soát nắm chắc tình hình đời sống các hộ dân thuộc diện giải tỏa thu hồi đất trên địa bàn. Tổ chức bố trí tái định cư cho các hộ dân bàn giao mặt bằng, giải quyết dứt điểm tình trạng tạm cư thời gian dài trên địa bàn.

b) Tham mưu, đề xuất giải quyết nhanh các vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn như: Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội, Khu Công nghệ cao, Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc, trung tâm hành chính quận; Khu tái định cư Long Bửu giai đoạn II (Long Bình - Long Thạnh Mỹ) và các dự án y tế. Lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án Trường Trung học phổ thông Tăng Nhơn Phú A, Trường Tiểu học Phú Hữu, đường nối từ Cầu Rạch Chiếc đến ngã tư Bình Thái (bao gồm cả nút giao Bình Thái), nâng cấp mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp, mở rộng đường Lê Văn Việt...

#### **IV. Thực hiện tốt các giải pháp chính sách an sinh xã hội:**

##### **1. Phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Văn hóa:**

a) Tập trung thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động thông tin cổ động, văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí mừng Tết Nguyên đán Canh Dần; các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện trọng đại như: kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2010); 35 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước và Quốc tế lao động 1/5; kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 65 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp... gắn với thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” về nội dung “Tur tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”” và thực hiện chủ đề “Năm 2010 - Năm thực hiện nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị”.

b) Phối hợp với các ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục các giá trị đạo đức, lối sống lành mạnh trong gia đình. Tiếp tục triển khai Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và xây dựng gia đình văn hóa mới. Đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong đó, phấn đấu 02 phường văn hóa (Phước Bình, Hiệp Phú); 02 phường được ghi nhận phường văn hóa (Tăng Nhơn Phú A, Phước Long B); có 46 khu phố được ghi nhận và công nhận danh hiệu văn hóa; có 80% hộ gia đình đạt gia đình văn hóa và 70% công sở “Văn minh - Sạch đẹp - An toàn”.

c) Tăng cường công tác thanh kiểm tra, xử lý vi phạm, nhất là đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch.

##### **2. Trung tâm Thể dục thể thao:**

a) Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể

theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phát triển mạnh mẽ phong trào tập luyện thường xuyên đạt 23% trên tổng số dân và phong trào rèn luyện thân thể đạt 98%.

b) Tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả các cơ sở thể dục thể thao đã được đầu tư. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư hoạt động thể thao tại cơ sở.

c) Tập trung đào tạo năng khiếu vận động viên các môn thể thao đỉnh cao. Chủ động chuẩn bị lực lượng huấn luyện viên, vận động viên để nâng cao thành tích thi đấu tại Đại hội Thể dục Thể thao thành phố năm 2010.

### **3. Giáo dục - Đào tạo:**

a) Tập trung chỉ đạo các trường học tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao đồng bộ chất lượng giáo dục giữa các trường học. Phần đầu năm học 2009 - 2010, hiệu suất đào tạo tiểu học trên 98%; hiệu suất đào tạo trung học cơ sở trên 90%. Tiếp tục tăng cường nề nếp, kỷ cương, ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội thâm nhập nhà trường.

b) Phối hợp các ngành, Ủy ban nhân dân các phường tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng thu hút rộng rãi các đối tượng phổ cập học tập. Tổ chức tốt ngày hội Toàn dân đưa trẻ đến trường năm học 2010 - 2011, huy động học sinh vào lớp 1 và lớp 6 đạt tỷ lệ 100%.

c) Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong giáo dục. Tăng cường sửa chữa, mở rộng trường lớp và đầu tư trang thiết bị, phần đầu 03 trường (Mầm non Phước Long B, Tiểu học Phước Long, Trung học cơ sở Tăng Nhơn Phú B) đạt chuẩn Quốc gia.

### **4. Ngành y tế:**

a) Ngành y tế chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và trình độ của cán bộ, nhân viên y tế. Thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

b) Trung tâm Y tế dự phòng quận phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Tăng cường công tác dự báo và phòng, chống các loại dịch bệnh, khống chế không để xảy ra dịch bệnh. Đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm tham vấn cộng đồng của Quận; triển khai chiến dịch truyền thông phòng, chống HIV/AIDS. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các Trạm Y tế phường, phần đầu có 09 phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

c) Phòng Y tế tăng cường công tác thanh tra y dược tư nhân; quản lý chặt chẽ

các hoạt động khám chữa bệnh tư nhân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác thẩm định và ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

Phối hợp với các ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và giáo dục về chủ trương, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nhất là với đối tượng vị thành niên, thanh niên, phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm sinh (tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,26%).

**5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội** chủ trì phối hợp với các ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường:

a) Tổ chức thực hiện tốt hơn nữa việc chăm lo cho diện chính sách, dân nghèo và các đối tượng xã hội. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo đảm an sinh xã hội theo nguyên tắc Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động cùng đóng góp, cùng chia sẻ, hỗ trợ các gia đình chính sách, người dân vùng bị thiên tai, lũ lụt, từng bước khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo theo tiêu chí mới của Thành phố. Rà soát lại danh sách các hộ nghèo để đảm bảo việc hỗ trợ người nghèo đúng đối tượng, thường xuyên theo dõi và đánh giá việc thực hiện chương trình. Tăng cường tuyên truyền giáo dục người nghèo, hộ nghèo nâng cao ý thức vượt khó, tự vươn lên, chống tư tưởng tự ty hoặc ỷ lại trông chờ sự giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng. Đẩy mạnh việc cho vay vốn từ các nguồn vốn ưu đãi gắn với việc hướng dẫn, tư vấn hộ nghèo chuyển đổi ngành nghề, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Phấn đấu đưa ra khỏi chương trình 1.000 hộ nghèo có mức thu nhập 12 triệu đồng/người/năm; nâng chuẩn 600 hộ nghèo có mức thu nhập dưới 8 triệu đồng/người/năm lên trên 8 triệu đồng/người/năm; nâng chuẩn 700 hộ nghèo thu nhập từ 8 - 10 triệu đồng/người/năm lên trên 10 triệu đồng/người/năm. Kéo giảm tỷ lệ nợ quá hạn xuống dưới 4%/năm.

c) Tăng cường các giải pháp giảm thiểu tình trạng trẻ em bị xâm hại. Nhân rộng mô hình xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em; các mô hình về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tại cộng đồng. Thực hiện tốt công tác chăm sóc người già, người tàn tật.

d) Phối hợp Liên đoàn Lao động quận, hướng dẫn và theo dõi việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, nắm chắc tình hình đời sống, sinh hoạt của công nhân; phối hợp giải quyết kịp thời và nhanh chóng các vụ đình công, không để

ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và an ninh trật tự trên địa bàn.

#### **6. Trung tâm Dạy nghề** phối hợp các cơ quan, đơn vị:

Tăng cường liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo nghề, các doanh nghiệp đầu tư phương tiện thiết bị máy móc. Đẩy mạnh các ngày hội nghề nghiệp và việc làm; tổ chức định kỳ điểm giao dịch việc làm; mở rộng các hình thức dạy nghề và giới thiệu việc làm tại các phường; cho vay vốn để học nghề, tạo việc làm. Chú trọng dạy nghề cho người tàn tật, bộ đội xuất ngũ, người nghèo, người cai nghiện ma túy; đặc biệt dạy nghề cho nông dân, lao động diện bị thu hồi đất... phấn đấu đào tạo nghề 4.500 người.

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết việc làm cho 4.000 lao động.

#### **V. Thực hiện có hiệu quả chủ đề “Năm 2010 - Năm thực hiện nếp sống văn minh - Mỹ quan đô thị”:**

\* Phòng Văn hóa thông tin chủ trì phối hợp các ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường:

a) Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện có hiệu quả chủ đề “Năm 2010 - Năm thực hiện nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị”. Trong đó, tập trung vào 04 nội dung và 06 hành vi.

b) Chú trọng các biện pháp tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành Luật Giao thông đường bộ, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường; xây dựng ý thức giao tiếp - ứng xử văn minh ở nơi công cộng; xây dựng mỹ quan đô thị. Tập trung nhân rộng các mô hình khu phố không rác, đường phố không rác. Xây dựng kế hoạch tăng mảng xanh, cây xanh đô thị vận động các đơn vị và nhân dân cùng thực hiện. Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị 27-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 1998 của Bộ Chính trị về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Tổ chức các hình thức sinh hoạt trao đổi về đề tài “văn hóa giao thông”. Đồng thời, tập trung vận động nhân dân xóa bỏ những thói quen, những hành vi không phù hợp với nếp sống văn minh đô thị; giải quyết và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm.

#### **VI. Chương trình mục tiêu 3 giảm:**

\* Các ngành phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường:

a) Tiếp tục thực hiện Chương trình 3 giảm gắn với việc thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo; Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; thực hiện chủ đề “Năm 2010 - Năm thực hiện nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị”. Tập trung tuyên truyền phòng chống ma túy sâu rộng trong nhân dân.

b) củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động Tổ Cán sự tình nguyện xã hội, Câu lạc bộ “Sức sống mới”. Tiếp tục quản lý, hướng dẫn tạo điều kiện cho người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng được vay vốn sản xuất kinh doanh, học nghề, giới thiệu việc làm... nhằm giảm thấp tỷ lệ tái nghiện.

c) Tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Trong đó, tập trung tổ chức tổng kết 5 năm phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc cấp quận và phường.

## **VII. Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh:**

### **1. Ban Chỉ huy Quân sự chủ trì:**

a) Tham mưu tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Quận ủy về thực hiện Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị về xây dựng khu vực phòng thủ và Nghị quyết chuyên đề thực hiện kết luận 41 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự phường vững mạnh theo 5 tiêu chuẩn. Tập trung thực hiện tốt công tác đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng dự bị động viên; nâng cao chất lượng toàn diện của lực lượng vũ trang địa phương.

b) Phối hợp Công an quận triển khai lực lượng bảo vệ an toàn các mục tiêu, các hoạt động lễ hội và sự kiện chính trị trong năm 2010.

c) Phối hợp các ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường triển khai Luật Dân quân tự vệ chặt chẽ và toàn diện. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về Quốc phòng. Hoàn thành 100% chỉ tiêu về công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự. Thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội; tổ chức tiếp đón chu đáo và tạo điều kiện cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương sớm có việc làm ổn định; giải quyết kịp thời khó khăn của những gia đình có con em đang phục vụ tại ngũ. Tập trung các biện pháp nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

### **2. Ban Chỉ huy Công an quận chủ trì:**

a) Xây dựng và triển khai Kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an toàn Đại hội Đảng các cấp; có phương án cụ thể, phù hợp để giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt trong các ngày lễ lớn, Tết Nguyên đán Canh Dần.



b) Tiếp tục phối hợp các ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các phường thực hiện có kết quả các Chương trình Quốc gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác chuyên hóa địa bàn, tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm; xây dựng khu phố, phường lành mạnh không có ma túy, mại dâm. Tập trung kiểm chế và kéo giảm tỷ lệ phạm pháp hình sự từ 5% trở lên. Tập trung nâng cao hiệu quả công tác điều tra phá án, nâng tỷ lệ phá án trên 65%.

### **3. Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy quận:**

Xây dựng và triển khai Kế hoạch tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn. Trong đó, tập trung công tác tuyên truyền giáo dục kiến thức về phòng cháy và chữa cháy, phát động phong trào toàn dân tham gia phòng cháy và chữa cháy. Thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ cháy cao, xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm an toàn phòng cháy, chữa cháy.

### **4. Ban An toàn giao thông quận:**

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các giải pháp đẩy lùi và kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 3 mặt số vụ, số người chết, số người bị thương.

## **VIII. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước; thực hiện tốt quy chế dân chủ:**

### **1. Các phòng, ban, Ủy ban nhân dân phường:**

a) Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Rà soát thủ tục hành chính theo Đề án 30 của Thành phố. Tiếp tục thực hiện cơ chế “Một cửa liên thông” trong lĩnh vực nhà - đất; ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong giải quyết hồ sơ hành chính cho công dân. Duy trì làm việc vào sáng thứ 7 hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho công dân.

b) Đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tăng cường dân chủ, nâng cao chất lượng công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng điều hành, thực hiện công vụ và giáo dục đạo đức, phẩm chất chính trị cho công chức và chuẩn bị nhân sự Đại hội Đảng cấp cơ sở.

c) Nâng cao hiệu quả chi tiêu ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý kịp thời nghiêm minh các vụ việc vi phạm.

d) Phát huy dân chủ cơ sở và hiệu lực của công tác giám sát cộng đồng, tăng cường đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp và nhân dân. Đẩy mạnh công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời khiếu tố, khiếu nại của nhân dân.

e) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy dân chủ; nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nhất là ở cơ sở.

## **2. Phòng Nội vụ:**

a) Tham mưu rà soát, củng cố các Ban Chỉ đạo, Hội đồng nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chương trình đạt hiệu quả cao. Rà soát và xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn theo Quy chế mẫu của Thành phố.

b) Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát được các đầu mối công việc trong nội bộ của các phòng, ban quận, Ủy ban nhân dân các phường, kể cả trách nhiệm người đứng đầu để phát hiện kịp thời các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, quan liêu, tham nhũng. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng cấp cơ sở và quận.

c) Tiếp tục thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 và Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005.

Triển khai thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã - phường - thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

d) Tham mưu xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thành công Hội nghị điển hình tiên tiến 5 năm (2005 - 2010). Tổng kết phong trào thi đua yêu nước năm 2009. Xây dựng chương trình phát động phong trào thi đua yêu nước hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2010 và các đợt thi đua chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và Đại hội Đảng các cấp.

## **3. Phòng Tư pháp:**

a) Tham mưu xây dựng và triển khai Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2010 trên địa bàn.

b) Tổ chức rà soát văn bản do Ủy ban nhân dân quận ban hành còn hiệu lực tại thời điểm rà soát.

c) Tập trung nâng cao chất lượng công tác viên và hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý. Nâng cao chất lượng chứng thực tại quận và 13 phường.

#### **4. Thanh tra Quận:**

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân - Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng quận:

- Tổ chức thực hiện tốt Luật Phòng, chống tham nhũng; Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020. Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với việc thực hiện tốt Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, chi tiêu ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản của nhà nước.

- Phát huy vai trò của nhân dân, các đoàn thể chính trị - xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

b) Tổ chức thực hiện công tác thanh, kiểm tra theo kế hoạch. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân nghiêm túc thực hiện các kết luận thanh, kiểm tra đã có chỉ đạo xử lý, kịp thời thu hồi số tiền vi phạm về ngân sách nhà nước.

c) Phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân quận thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; nắm chắc tình hình khiếu kiện đông người và phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý kịp thời các tình huống phức tạp.

#### **IX. Tổ chức thực hiện :**

1. Căn cứ vào Quyết định này, Thủ trưởng các Phòng, ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của ngành, đơn vị, trong đó quy định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công người chịu trách nhiệm từng phần công việc. Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm báo cáo đánh giá tình hình thực hiện theo quy định.

2. Hàng tháng, Ủy ban nhân dân quận tổ chức giao ban với Thủ trưởng các Phòng, Ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường và tổ chức các buổi làm việc tại cơ sở để giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Phòng Nội vụ tham mưu, hướng dẫn thang điểm thi đua năm 2010 tương ứng với nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2010 đã giao cho các đơn vị và phường.

Thủ trưởng các Phòng, ban, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường tổ chức phát động các phong trào thi đua phù hợp với nội dung Quyết định này.

4. Trước ngày 15 tháng 6 năm 2010 và ngày 15 tháng 11 năm 2010, Thủ trưởng các Phòng, ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường sơ kết, kiểm điểm tình hình thực hiện Kế hoạch của cơ quan, địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đồng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

Phòng Tài Chính - Kế hoạch phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tham mưu Ủy ban nhân dân quận tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Tám**

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2010/CT-UBND

Quận 12, ngày 27 tháng 01 năm 2010

### **CHỈ THỊ**

#### **Về việc tăng cường hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá**

Thực hiện Chỉ thị số 23/2009/CT-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng cường hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá. Để nâng cao nhận thức của người dân, cán bộ - công chức về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe, kinh tế của gia đình và bản thân, đảm bảo quyền bảo vệ sức khỏe của những người không hút thuốc lá, đồng thời để thực hiện nếp sống văn minh đô thị, nếp sống văn hóa nơi công cộng, trường học, bệnh viện, công sở, khu vui chơi giải trí, bến xe. Ủy ban nhân dân quận yêu cầu các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân 11 phường, Mặt trận, đoàn thể tăng cường thực hiện các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá với các nội dung như sau:

#### **1. Tăng cường các biện pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá:**

Hàng năm tổ chức mít - tinh, hội thảo hưởng ứng Ngày Thế giới không thuốc lá 31 tháng 5 và Tuần lễ Quốc gia không thuốc lá.

Các phòng, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân 11 phường tham gia kế hoạch thực hiện chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá của quận và xây dựng kế hoạch thực hiện phòng, chống tác hại thuốc lá của ngành mình, đơn vị mình.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về tác hại của thuốc lá dưới mọi hình thức, có hiệu quả trên các phương tiện trong cơ quan và ngoài cộng đồng dân cư, nhằm nâng cao nhận thức và làm thay đổi dần thói quen, hành vi của người dân, của cán bộ - công chức, tiến đến không sử dụng thuốc lá trong các tiệc cưới, đám tang, lễ hội và trong các cuộc vui của gia đình, bạn bè.

Thực hiện nghiêm các quy định về cấm hút thuốc lá ở nơi làm việc và nơi công cộng như: tại các cuộc họp, tại trụ sở cơ quan, nhà trường, nhà trẻ, các cơ sở y tế, nhà

văn hóa, nhà biểu diễn, các khu vực sản xuất, nơi có nguy cơ cháy nổ cao và trên các phương tiện giao thông công cộng, bến xe.

Tại những nơi cấm hút thuốc lá phải treo biển có chữ hoặc biểu tượng **“Cấm hút thuốc lá”**.

Tại các nơi công cộng như Nhà Văn hóa, thư viện, nhà thi đấu thể thao, sân vận động có mái che, phòng đợi của bến xe, khu vui chơi giải trí trong nhà, các nhà hàng, quán ăn, karaoke, khách sạn, các điểm kinh doanh Internet cần bố trí khu vực dành riêng cho người hút thuốc lá.

## **2. Phân công thực hiện:**

### **2.1. Phòng Y tế:**

- Chủ trì phối hợp với phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân 11 phường xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá; theo dõi việc thực hiện chỉ đạo của quận, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

- Tổ chức mít - tinh, hội thảo, triển lãm về phòng, chống tác hại thuốc lá.

- Tăng cường các hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá trong các cơ sở y tế và xây dựng “Bệnh viện không thuốc lá” tiến đến “Cơ sở y tế không thuốc lá”.

- Liên hệ thành phố để cung cấp các tài liệu truyền thông phòng, chống tác hại thuốc lá và biện pháp cai nghiện thuốc lá cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân 11 phường để triển khai trong cộng đồng dân cư và trong cán bộ - công chức.

- Cùng với Ủy ban nhân dân 11 phường triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe phòng, chống tác hại thuốc lá tại cộng đồng và xây dựng khu dân cư không thuốc lá, khu vực công cộng không thuốc lá.

### **2.2. Phòng Văn hóa - Thông tin:**

- Phối hợp với Phòng Y tế hàng năm tổ chức mít - tinh, hội thảo hưởng ứng Ngày Thế giới không thuốc lá 31 tháng 5 và Tuần lễ Quốc gia không thuốc lá.

- Phát động phong trào *“Toàn dân xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, khu phố văn hóa không có người hút thuốc”* khuyến khích, vận động nhân dân không thuốc lá trong các lễ hội, các cuộc vui gia đình, tiệc cưới, đám tang...

Tăng cường các hoạt động truyền thông phòng, chống tác hại thuốc lá trên các

phương tiện thông tin đại chúng, trên đài truyền thanh phường, bản tin quận và tờ tin phường, tại các khu phố và tổ dân phố, khu vực công cộng.

Kiểm tra và xử phạt hành chính đối với những vi phạm quy định về quảng cáo thuốc lá.

### **2.3. Phòng Giáo dục - Đào tạo:**

- Phối hợp với Phòng Y tế phát động các hội thi tìm hiểu về phòng, chống tác hại của thuốc lá, đồng thời xây dựng chương trình ngoại khóa về tác hại của thuốc lá cho học sinh tại các trường, nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng phòng, chống tác hại thuốc lá.

- Tăng cường vận động giáo viên, CNV, học sinh không hút thuốc lá trong trường học, tiến tới xây dựng “*Trường học không thuốc lá*”.

### **2.4. Phòng Kinh tế, Công an Kinh tế, Đội Quản lý thị trường 12 B:**

Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy định về kinh doanh thuốc lá điếu, bán buôn, bán lẻ thuốc lá và quảng cáo khuyến mãi thuốc lá.

Lực lượng Cảnh sát kinh tế và Đội Quản lý thị trường 12 B tăng cường các biện pháp nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thuốc lá giả, thuốc lá nhái nhãn, mác; tăng cường kiểm tra chống buôn lậu thuốc lá.

### **2.5. Phòng Tài chính - Kế hoạch:**

Cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí cho các hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị trực thuộc quận.

### **2.6. Ủy ban nhân dân 11 phường:**

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch trên địa bàn phường; Đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, tờ tin của phường, xây dựng khu phố, tổ dân phố không hút thuốc lá, khu vực công cộng không hút thuốc lá. Mỗi phường chọn một khu phố không hút thuốc lá; mỗi khu phố chọn một tổ dân phố không hút thuốc lá để rút kinh nghiệm nhân rộng trên toàn địa bàn quận.

**2.7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quận** phối hợp với ngành y tế quận và các cơ quan nhà nước có liên quan vận động các tầng lớp nhân dân tham gia, hưởng ứng tích cực vào các hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá để bảo vệ sức khỏe và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Ủy ban nhân dân quận đề nghị Thủ trưởng các đơn vị và các đoàn thể quận triển khai thực hiện nghiêm túc công văn này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Quang**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [ttcb@tphcm.gov.vn](mailto:ttcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**